

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ...
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/DS-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ..., TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và bà Đào Thị Ngâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2025/TLST-DS ngày 19/02/2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh N1 theo quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHN0-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc.

Ông H ủy quyền lại cho ông Cao Tấn T, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N - chi nhánh N1 làm đại diện theo giấy ủy quyền ngày 07/3/2025 của Giám đốc N - chi nhánh N1; Địa chỉ: D N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn P, xã H, thị xã Đ, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N, ông Cao Tấn T trình bày: Ngày 28/5/2024 giữa Ngân hàng N – chi nhánh N1 thành phố T, tỉnh Phú Yên (gọi tắt Ngân hàng) và ông T1, bà L có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-

202400564 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 4607LDS202401300 ngày 28/5/2024, Ngân hàng cho ông T1 và bà L vay số tiền 470.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Chăn nuôi bò. Lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 13 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 28/6/2025, định kỳ trả lãi 3 tháng/1 lần vào ngày 28.

Để đảm bảo khoản vay này, ông T1 và bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 413986, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L vào ngày 17/6/2015; số vào sổ cấp GCN là CH 02827 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260520/HĐTC ngày 26/5/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260520/HĐTC/PLHĐ ngày 28/5/2024.

Sau khi vay, ông T1 và bà L đã trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết, tuy nhiên từ ngày 29/8/2024 cho đến nay ông T1 và bà L đã không trả thêm tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng như đã cam kết. Nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở, yêu cầu ông T1 và bà L trả nợ nhưng vẫn không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà L phải trả số tiền nợ tính đến ngày 16/6/2025 là 483.778.082 đồng trong đó nợ gốc 470.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.778.082 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông T1 và bà L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai ngày 11/3/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều L trình bày: Bà L thống nhất như lời trình của nguyên đơn là có vay số tiền 470.000.000 đồng nhưng chưa có khả năng trả lãi cho Ngân hàng. Nay bà L xin đến ngày 22/3/2025 trả lãi cho Ngân hàng và trả nợ gốc cho Ngân hàng sau 60 ngày.

* Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông T1 và bà L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ... tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 317, 323, 325, 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T1 và bà L phải trả tiền nợ tính đến ngày 16/6/2025 là 483.778.082 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Đ, tỉnh Phú Yên nhưng theo khoản 3 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202400564 ngày 28/5/2024 các bên có thỏa thuận chọn Tòa án nơi đóng trụ sở của Chi nhánh để giải quyết tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông T1 và bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202400564 ngày 28/5/2024 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 4607LDS202401300 ngày 28/5/2024 thì Ngân hàng N có cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L vay số tiền 470.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Chăn nuôi bò. Lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 13 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 28/6/2025, định kỳ trả lãi 3 tháng/lần vào ngày 28.

Sau khi vay, ông T1 và bà L đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, tuy nhiên từ ngày 29/8/2024 cho đến nay ông T1 và bà L không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngoài ra bị đơn bà L cũng thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền 470.000.000 đồng nhưng chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tính đến ngày 16/6/2025 là 483.778.082 đồng trong đó nợ gốc 470.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.778.082 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260520/HĐTC ngày 26/5/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260520/HĐTC/PLHĐ ngày 28/5/2024, ông T1 và bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 413986, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L vào ngày 17/6/2015, số vào sổ cấp GCN là CH 02827. Vì đây là tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay của ông T1 và bà L tại Ngân hàng N. Do đó, trường hợp bị đơn ông T1 và bà L không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T1 và bà L phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp

tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng nên bị đơn ông T1 và bà L phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông T1 và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 317, 323, 325 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N tổng cộng số tiền tính đến ngày 16/6/2025 là 483.778.082 đồng (*bốn trăm tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng*) trong đó nợ gốc 470.000.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 13.778.082 đồng (*mười ba triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2025), bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 413986, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L vào ngày 17/6/2015, số vào sổ cấp GCN là CH 02827 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260520/HĐTC ngày 26/5/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260520/HĐTC/PLHD ngày 28/5/2024 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L trả nợ xong cho nguyên đơn thì nguyên đơn Ngân hàng N phải trả lại bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Do nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) nên bị đơn ông T1 và bà L phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)

Về án phí : Bị đơn ông T1 và bà L phải chịu 23.351.123 đồng (*hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi một nghìn một trăm hai mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 11.784.000 đồng (*mười một triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005803 ngày 17/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ..., tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp;
- Chi cục THADS Tp;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang